**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHÂU THÀNH**
**TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án: 74/2021/HS-ST
Ngày: 02 / 11 /2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Ngọc Hiếu**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Minh**
**Ông Đỗ Thanh Hiền**

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Đông-**Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: **Ông Đàm Viễn Khương –** Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo: **Võ Văn T**, sinh năm 1985, tại tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: ấp 4, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn R và bà Võ Thị H; vợ Nguyễn Thị Thúy A, có 02 con, lớn 10 tuổi nhỏ 04 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: ngày 22/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử 03 năm 06 tháng tù về tội lưu hành tiền giả.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* 1/ **Lương Mai P**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp TP, xã TH, CT, Tiền Giang
2/ **Cao Quốc P1**, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: ấp TT, xã TH, CT, Tiền Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2019 bị cáo T liên hệ với người tên gọi HA1 nhờ làm giả 03 bộ hồ sơ cấp giấy phép lái xe với giá 1.500.000đồng. T đưa cho HA1 bản chính giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân và toàn bộ hồ sơ thi lái xe của T. Sau đó HA1 đưa lại cho T 03 bộ tài liệu giả giống với tài liệu bản chính.

Vào ngày 08/02/2020 Tsử dụng 01 bộ hồ sơ thi lái xe giả và 01 giấy phép lái xe hạng C giả đến tiệm cầm đồ QP2, địa chỉ: ấp Tân Phú, xã TH, CT, Tiền Giang để lấy số tiền 1.000.000đồng.

Tiếp đến ngày 22/3/2020, T tiếp tục sử dụng 01 bộ hồ sơ thi lái xe giả, 01 giấy phép lái xe hạng C giả và 01 chứng minh nhân dân giả đến tiệm cầm đồ QP2 trên để nhận 1.000.000đồng.

Tại kết luận giám định số 1015/KTHS (Đ2), ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

Giấy chứng minh nhân dân số 321270081 mang tên Võ Văn T là giả.

Chữ ký Bùi Văn Kiêu và hình dấu tròn trên chứng chỉ A2, A3 là giả.

Hình dấu tròn trên đơn đề nghị học hạch để cấp giấy phép lái xe của Võ Văn T là giả

Hình dấu tròn trên giấy chứng nhận sức khỏe của Võ Văn T là giả.

Hình dấu tròn trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của Võ Văn T là giả

Chữ ký tên Vũ Thiếu Hiểu trên tài liệu A6, A7 và Nguyễn Văn Tư trên tài liệu A8, A9 là giả.

Chữ viết và chữ ký trên tài liệu từ A4 đến A11 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, không phải chữ viết, chữ ký trực tiếp.

Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án thu giữ: - 01 chứng minh nhân dân số 321270081 mang tên Võ Văn T, do Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/9/2018

- 02 giấy phép lái xe hạng C số 7401500033767 mang tên Võ Văn T.
- 02 chứng chỉ sơ cấp nghề số 12027
- 02 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe
- 02 giấy chứng nhận sức khỏe
- 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 27/02/2014
- 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ngày 07/02/2015

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSCT ngày 02/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố Tuấn về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 38; Điều 50; Điểm b khoản 2 Điều 341; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin mức án nhẹ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại hay có ý kiến gì về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào ngày 08/02/2020 T sử dụng 01 bộ hồ sơ thi lái xe giả và 01 giấy phép lái xe hạng C giả đến tiệm cầm đồ QP2, địa chỉ: ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang để cầm với số tiền 1.000.000đồng.

Tiếp đến ngày 22/3/2020, Tuấn tiếp tục sử dụng 01 bộ hồ sơ thi lái xe giả, 01 giấy phép lái xe hạng C giả và 01 chứng minh nhân dân giả đến tiệm cầm đồ QP2 trên để cầm với số tiền 1.000.000đồng.

Theo kết luận giám định xác định các tài liệu bị cáo đem đi cầm là giả.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định Điều 341 Bộ luật hình sự.

Bị cáo sử dụng tài liệu giả để cầm lấy tiền hai lần nên bị cáo bị truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã tác động đến an toàn công cộng và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Về mặt chủ quan, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử lý nghiêm hành vi này bằng chế tài hình sự, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung.

Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có ý thức thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; cha (cha dượng) bị cáo là thương binh và được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại. Do T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản và mỗi lần chiếm đoạt không liên tục, gián đoạn về mặt thời gian, dưới định lượng nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Đối với hành vi làm giả giấy tờ của đối tượng tên HA1, hiện chưa xác định được địa chỉ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra xử lý sau.

[3] Xử lý vật chứng của vụ án: Đối với các tài liệu giả mà bị cáo sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về bồi thường thiệt hại: bị hại chị P yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000đồng, yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo bồi thường cho chị P 2.000.000đồng.

[5] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1/ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; Điều 38; Điều 50; Điều 56; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 02 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 năm tù.

Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 23/3/2020.

2/ Về bồi thường thiệt hại: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo bồi thường 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho chị Lương Mai P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 chứng minh nhân dân số 321270081 mang tên Võ Văn T, do Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/9/2018
- 02 giấy phép lái xe hạng C số 7401500033767 mang tên Võ Văn T.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2021.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, nộp, giảm và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về án phí dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, nộp, giảm và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại (anh P1) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (chị P) có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Võ Ngọc Hiếu**

*Nơi nhận:*
- VKSND tỉnh TG;
- VKSND h.Châu Thành;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA h.Châu Thành;
- Chi cục THA DS;
- Trại giam;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.